TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TIỀN HẢI** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 05/2023/QĐST - DS	*Tiền Hải, ngày 24 tháng 7 năm 2023*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 7 năm 2023 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 24/2023/TLST - DS ngày 29 tháng 5 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Trần Văn D** - sinh năm 1958

Địa chỉ: xóm 9, thôn B, xã T G, huyện T H, tỉnh Th B.

Bị đơn: Bà **Trần Thị Ng** - sinh ngày 01/01/1963

Địa chỉ: xóm 9, thôn B, xã T G, huyện T H, tỉnh Th B.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Bà **Trần Thị L** - sinh năm 1973

Địa chỉ: xóm 9, thôn B, xã T G, huyện T H, tỉnh T B.

- Ông **Trần Văn H** - sinh năm 1968

Địa chỉ: Số 5/4 T D, phường Th L, quận H B, thành phố H P.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Hàng thừa kế thứ nhất của các cụ Trần Văn R (T R) – chết năm 2013 và cụ Hà Thị M – chết năm 2000 gồm: ông Trần Văn D, bà Trần Thị Ng, ông Trần Văn H và bà Trần Thị L.

2.2 Về di sản thừa kế các cụ Trần Văn R (Tr R) và Hà Thị M để lại gồm: Diện tích đất theo đo đạc hiện trạng là 150,7m^2, loại đất ở tại thửa 127, tờ bản đồ số 01, đo đạc năm 1996 – địa chỉ: xóm 9, thôn B, xã T G, huyện T H, tỉnh Th B đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Tr R số 1639/QSDĐ, Seri H899760 ngày 25/8/1997 của UBND huyện Tiền Hải, trị giá 1.657.700.000đ. Cùng các tài sản trên đất gồm: 36,6m^2 nhà mái bằng một tầng

do cụ R, cụ M xây năm 1982 – giá trị khấu hao còn 0đ + (17,4m^2 nhà lợp tôn xây dựng năm 2010 trị giá 5.826.700đ + 41,5m^2 sân, lối đi bê tông xây dựng 2010 trị giá 3.391.700đ + 32,6m^2 mái tôn xây dựng năm 2010 trị giá 1.590.000đ + 8,1m^2 nhà bếp lợp pro xây dựng năm 2009 trị giá 1.017.600đ) do cụ Rạng xây dựng.

2.3 Ông Trần Văn H và bà Trần Thị L có văn bản từ chối nhận di sản thừa kế của cụ Trần Văn R (Tr R) và cụ Hà Thị M.

2.4 Chia di sản thừa kế của cụ Trần Văn R (Tr R) và cụ Hà Thị M để lại cụ thể như sau:

- Chia cho ông Trần Văn D được quyền sử dụng 77,1m^2 đất ở tại thửa 127, tờ bản đồ số 01, đo đạc năm 1996, địa chỉ: thôn B, xã T G, huyện T h, tỉnh Th B có tứ cận: Phía Đông Bắc dài 3,7m giáp đường Tạ Xuân Thu; Phía Tây Nam dài 4,24m giáp thửa 306 hộ ông Thành; Phía Tây Bắc dài 18,93m giáp thửa 297 hộ ông D; Phía Tây Nam dài 18,42m giáp phần đất chia cho bà Trần Thị N và được quyền sở hữu các tài sản có trên đất gồm: 0,4m^2 khe trống đổ bê tông trị giá 32.700đ + (22,4m^2 nhà mái bằng, trị giá 0đ; 10,3m^2 nhà lợp tôn, trị giá 3.449.100đ; 4,3m^2 mái tôn, trị giá 209.800đ). Trị giá quyền sử dụng đất là (77,1m^{2}x11.000.000đ) = 848.100.000đ. Tổng giá trị tài sản thừa kế ông D được hưởng là: 851.791.600đ (tám trăm năm mươi mốt triệu bảy trăm chín mươi mốt nghìn sáu trăm) đồng và nhà mái bằng 39,7m^2 của ông D xây dựng năm 2010, trị giá 104.808.000đ.

- Chia cho bà Trần Thị Ng được quyền sử dụng 73,6m^2 đất ở tại thửa 127, tờ bản đồ số 01, đo đạc năm 1996, địa chỉ thôn Bắc, xã Tây Giang, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình có tứ cận: Phía Đông Bắc dài 3,7m giáp đường Tạ Xuân Thu; Phía Tây Nam dài 4,61m giáp nhà thửa 306 hộ ông Thành; Phía Tây Bắc dài 18,42m giáp phần đất chia cho ông Trần Văn D; Phía Đông Nam dài 17,91m giáp thửa 299 hộ ông Ng và được quyền sở hữu các tài sản trên đất gồm: 8,1m^2 bếp, trị giá 1.017.600đ + 25,2m^2 mái tôn, trị giá 1.229.000đ + 41,1m^2 sân, lối đi trị giá 3.359.000đ + (14,2m^2 nhà mái bằng – trị giá 0đ; 7,1m^2 nhà lợp tôn, trị giá 2.377.600đ; 4,1m^2 mái tôn, trị giá 151.200đ). Trị giá quyền sử dụng đất là (73,6m^2 x 11.000.000đ) = 810.700.000đ. Tổng giá trị tài sản thừa kế bà Ng được hưởng là: 818.834.400đ (tám trăm mười tám triệu tám trăm ba mươi tư nghìn bốn trăm) đồng.

(Có sơ đồ chi tiết thửa đất kèm theo)

- Đối với các tài sản trên đất gồm: 36,6m^2 nhà mái bằng, trị giá 0đ, trong đó: trên đất chia cho ông D là 22,4m^2, trên đất chia cho bà Ng là 14,2m^2; 17,4m^2 nhà lợp tôn, trị giá 5.826.710đ, trong đó: trên đất chia cho ông D là 10,3m^2, trên đất chia cho bà Ng là 7,1m^2; 7,4m^2 mái tôn, trị giá 361.000đ, trong đó: trên đất

chia cho ông D là 4,3m^2, trên đất chia cho bà Ng là 3,1m^2.

Các tài sản này đã hết giá trị theo khấu hao và có giá trị không lớn do đó các bên thoả thuận tài sản này để sử dụng chung khi nào không sử dụng chung các bên có trách nhiệm tự nguyện tháo dỡ và chịu chi phí tháo dỡ.

- Các đương sự có trách nhiệm tự liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

2.5 Ông Trần Văn D, bà Trần Thị Ng đều là người cao tuổi và có đơn đề nghị miễn, giảm án phí nên không phải chịu án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKS huyện Tiền Hải;
- THADS huyện Tiền Hải;
- TAND, VKSND tỉnh Thái Bình;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

THẨM PHÁN

Vũ Văn Lợi